

Molagar (Pháp)

Dạng thuốc : 100ml nhũ tương có :

Dầu vaselin	26,8g
Agar-agar (Gelose)	0,22g
Acid benzoic	0,20g

Chỉ định : Táo bón.

Liều dùng : Uống 1-3 thìa canh vào buổi chiều trước khi ăn. Trẻ em uống 2-4 thìa cà phê/ngày.

Chống chỉ định : Hẹp ống tiêu hóa.

Lưu ý : Không dùng thuốc lâu dài. Có cảm giác đầy bụng.

Morphin

Morphinan-3,6-diol, 7,8-didehydro-4,5-epoxy-17-methyl-(5 α -6 α)

Dẫn xuất hydrochlorid :

Morphine (chlorhydrate de)

Morphin hydrochlorid

Morphinium chloratum

Dạng thuốc : Ống tiêm 1ml/0,01g (dạng hydrochlorid). Viên nén cứng 10mg (giải phóng chậm và kéo dài). Còn có các dạng viên 30-60 và 100mg.

Tác dụng : Là alcaloid chiết xuất từ qua thuốc phiện (*Papaver somniferum*). Giảm đau (tác dụng đến thần kinh trung ương) gây ngủ. Dễ gây nghiện.

Chỉ định : Đau dữ dội mạn tính, đã dùng các thuốc giảm đau khác mà chưa khỏi, nhất là đau do ung thư, cơn đau sỏi mật hoặc sỏi thận, nhồi máu cơ tim, chuẩn bị gây mê.

Liều dùng : Người lớn : tiêm dưới da mỗi lần 1 ống. Liều tối đa cho người lớn 1 lần/0,02g. 24 giờ/0,05g. Trẻ em 3-15 tuổi, ngày tiêm từ 1/5 đến 1 ống. Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần 10mg

Chống chỉ định : Suy hô hấp, hội chứng đau bụng cấp mà chưa rõ nguyên nhân, suy gan nặng, chấn thương sọ não, và tăng huyết áp nội sọ, trạng thái kinh giật, nghiện rượu cấp và delirium tremens, trẻ em dưới 30 tháng. Dùng với IMAO.

Lưu ý : Thuốc gây nghiện có thể đưa đến tình trạng lệ thuộc thuốc về tâm sinh lý. Khi ngừng thuốc dẫn đến hội chứng cai nghiện. Thận trọng với người già, bệnh tuyến giáp, sỏi, bệnh đường tiết niệu, tuyến tiền liệt. Không dùng trong giai đoạn hai lúc trở dạ (cơ tư cứng mở quá 4-5cm). Có thể bị buồn nôn, táo bón, chóng mặt, nhịp tim nhanh, hạ huyết áp thể đứng hoặc suy hô hấp vừa phải.

Tương tác : Không phối hợp với IMAO không chọn lọc : tricyclique, tăng HA, hôn

mê, sốt cao. Với IMAO chọn lọc B : sốt cao, cứng cơ. Khuyến không dùng với alcohol (kể cả nước, thuốc có alcohol), cảnh giác nếu vận hành máy,... (do tăng tác dụng an thần). Cẩn thận khi dùng với các thuốc trầm cảm, các dẫn xuất morphin khác, một số thuốc trầm cảm, kháng dị ứng H1, thuốc an thần, barbituric, benzodiazepin, clonidin và chất cùng họ.

Hội chứng cai nghiện : ngáp, giãn đồng tử, chảy nước mắt, chảy nước mũi, hắt hơi, cứng cơ, đau đầu, suy nhược, chảy mồ hôi, lo âu, cầu kinh, mất ngủ, khuấy động, chán ăn, buồn nôn, nôn, sút cân, và chảy, mất nước, đau cơ, chuột rút, tim nhanh, thờ ơ, tăng huyết áp, sốt cao, rồi bỏ trong xương.

Quá liều : Suy hô hấp, tụt huyết áp, sốt cao, hôn mê, co cứng tứ cực diềm.

Xiử lý : Trơ hô hấp, tim - dùng Lanorphen 5-10mg IV hoặc IM trong 30 phút, cứ 15 phút dùng 1 liều cho đến đủ 40mg. Naloxon 400mcg IV, tiêm nhắc lại trong 2-5 phút nếu cần.

Mucal (Pháp)

Dạng thuốc : Mỗi gói bột có :

Aluminosilicat Mg, Na và Ca : 3g

Tác dụng : Che chở niêm mạc ống tiêu hóa, do có khả năng bao phủ.

Chỉ định : Viêm thực quản, thoát vị hoành, hồi lưu dạ dày- thực quản, loét dạ dày- tá tràng, viêm dạ dày, khô tiêu, nóng rát, ợ, chướng, khó chịu sau khi ăn, đầy hơi, bệnh ruột.

Liều dùng : Người lớn : uống 3 gói/ngày. Trẻ trên 30 tháng : 2 gói/ngày.. chia nhiều lần. Hòa bột thuốc vào 1 ly nước rồi uống.

Lưu ý : Thận trọng với suy thận mạn tính tiến triển - Không dùng lâu dài và liều mạnh (theo dõi Al, Mg trong huyết tương) - Chung cho thuốc có Al, dùng lâu gây mất phosphor.

Mucinum (Pháp)

Dạng thuốc : Viên có :

Bột mặt toàn phần	10mg
Bột belladon	15mg
Bột phan tả diệp	40mg
Phenolphthalein	75mg
Bột bourdain	30mg
Bột lá boldo	50mg
Nhựa scammonée	4mg
Bột tiêu hồi	30mg

Chỉ định : Táo bón, nhuận tràng